TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 146/2018/QĐST-DS	*Quận 11, ngày 24 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 203/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lâm Hoàng S, sinh năm 1981; địa chỉ: đường L, phường H, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Kiến T, sinh năm 1976; địa chỉ: đường X, Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền được Văn phòng công chứng Đồng Tâm chứng nhận số 00020056, quyển số 11 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/12/2017).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1975; địa chỉ: đường M, Phường N, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a) Bà Nguyễn Thị Mỹ P có nghĩa vụ trả cho Lâm Hoàng S số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) bằng cách thức trả như sau: Vào ngày 25 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 25/5/2018 đến ngày 25/5/2020, mỗi tháng bà P trả 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Nếu hai tháng liên tiếp bà P không thực hiện việc trả tiền theo đúng thỏa thuận thì bà P có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ còn lại bằng một lần.

b) Trong trường hợp bà P chậm trả tiền thì bà P còn phải trả tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2

Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thành toán.

c) Về án phí: án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), mỗi bên chịu ½.

- Bà P chịu nộp 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông S chịu nộp 625.000 đồng (sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông S đã nộp theo Biên lai đã thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0004447 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; ông S được trả lại số tiền chênh lệch là 1.125.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. (10)

THẨM PHÁN

Lê Thị Quỳnh Anh

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).